TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2019.
Về việc tranh chấp " Không công nhận vợ chồng giữa anh Phạm Thành Đ với chị Huỳnh Thị Thu Tr"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Thọ.
2. Ông Nguyễn Văn Thơm.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Phi Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 14 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp " Không công nhận vợ chồng ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Phạm Thành Đ, sinh năm 1971. (có mặt)
Địa chỉ:Ấp Th, xã Đ, huyện C, thành phố T.

2. *Bị đơn*: Chị Huỳnh Thị Thu Tr, sinh năm 1971. (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt)
Địa chỉ:Ấp Th, xã Đ, huyện C, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phạm Thành Đ trình bày: Khoảng năm 1990, anh Đ và chị Huỳnh Thị Thu Tr tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung cháu Phạm Văn Sáng, sinh năm 1991 và cháu Phạm Thị Trúc Ngân, sinh năm 1994, hai cháu đã trưởng thành. Tuy nhiên, đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Hiện tại, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không thể hàn gắn nên anhĐ yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng với chị Huỳnh Thị Thu Tr.

Về nuôi con chung: Hai cháu Phạm Văn Sáng và chị Phạm Thị Trúc Ngân đã trưởng thành.

Tài sản chung: AnhĐ vàchị Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung: Không có.

*Tại phiên tòa ,chị Huỳnh Thị Thu Tr vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơnchị Tr trình bày:*chị Tr thống nhất với trình bày của anhĐ về thời gian tiến tới hôn nhân, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung. Nay,chị Tr thống nhất chấm dứt quan hệ như vợ chồng với anhĐ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng dân sự:* Theo đơn khởi kiện của anh Phạm Thành Đ thì quan hệ tranh chấp của vụ án là " Không công nhận vợ chồng". Căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Chị Huỳnh Thị Thu Tr vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, có căn cứ xét xử vắng mặtchị Tr.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của anh Đ và chị Tr là tự nguyện nhưng khi về sống chung thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Khi tiến tới hôn nhân anhĐ vàchị Tr đều xác định không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này* ". Khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*". Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ không công nhận anhĐ vàchị Tr là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng xác định có hai con chung, cháu Phạm Văn Sáng, sinh năm 1991 và cháu Phạm Thị Trúc Ngân, sinh năm 1994, hai cháu đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Tài sản chung anhĐ vàchị Tr xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Thành Đ phải nộp 300.000đồng án phí theo mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Thành Đ với chị Huỳnh Thị Thu Tr.

2. Về nuôi con chung: Anh Phạm Thành Đ và chị Huỳnh Thị Thu Tr xác định có hai con chung, cháu Phạm Văn Sáng, sinh ngày 1991 và cháu Phạm Thị Trúc Ngân, sinh năm 1994, hai cháu đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: AnhĐ vàchị Tr xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chung: AnhĐ vàchị Tr xác định không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Thành Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 001209 ngày 12 tháng 12 năm 2018 thành tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Vụ án xét xử công khai, tuyên án có mặt anh Phạm Thành Đ, vắng mặt chị Huỳnh Thị Thu Tr.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Đào Thanh Huỳnh